

Số: 575/TB-BVĐK

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO

**Về việc xin báo giá Chi phí đánh giá công nhận phòng xét nghiệm đạt chuẩn
ISO 15189 : 2012 tại khoa Huyết học và khoa Hóa sinh
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi**

Hiện nay, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi đang triển khai xây dựng phòng xét nghiệm y tế theo tiêu chuẩn TCVN ISO 15189 : 2014 (ISO 15189 : 2012) tại Khoa Huyết học-Truyền máu và Khoa Hóa sinh của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi rất mong các đơn vị có năng lực, được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép đủ tiêu chuẩn để thẩm định, đánh giá công nhận phòng xét nghiệm đạt chuẩn ISO 15189 : 2012. Đơn vị gửi báo giá bằng đường bưu điện hoặc trực tiếp về Bệnh viện trước ngày 19 tháng 7 năm 2019.

- ❖ Báo giá cần ghi đầy đủ các chi tiết ở trên bì thư:
- Bên gửi: Tên và địa chỉ công ty, đơn vị gửi báo giá
 - Bên nhận: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi
 - Ghi rõ: “Báo giá về đánh giá công nhận phòng xét nghiệm y tế ISO 15189 : 2012, theo thông báo số: /BVĐK”
 - Nội dung báo giá gồm:
 1. Chi phí đánh giá, nội dung đánh giá.
 2. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động (*pho to công chứng*)

Danh mục chỉ tiêu đăng ký đánh giá thẩm định, công nhận theo ISO 15189:

1/ Xét nghiệm huyết học

T T	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm	Kỹ thuật xét nghiệm	Phương pháp xét nghiệm
1.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	Hb (Haemoglobin)	Phương pháp SLS- hemoglobin (sodium lauryl sulfate)	HH-QTKT-XN-01
2.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	Hct (Haematocrit)	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn (Flow cell counting using semiconductor lasers)	HH-QTKT-XN-01

T T	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm	Kỹ thuật xét nghiệm	Phương pháp xét nghiệm
3.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	MCH (Mean Cell Haemoglobin)	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn (Flow cell counting using semiconductor lasers)	HH-QTKT-XN-01
4.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	MCHC (Mean Cell Haemoglobin Concentration)	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn (Flow cell counting using semiconductor lasers)	HH-QTKT-XN-01
5.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	MCV (Mean Cell Volume)	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn (Flow cell counting using semiconductor lasers)	HH-QTKT-XN-01
6.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	MPV (Mean Platelet Volume)	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn (Flow cell counting using semiconductor lasers)	HH-QTKT-XN-01
7.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	PLT (Platelets/ Impedance)	Đo trở kháng tập trung dòng chảy động học (Measure the impedance focusing kinetic flow)	HH-QTKT-XN-01
8.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	RBC (Red Blood Cell Count/ Impedance)	Đo trở kháng tập trung dòng chảy động học (Measure the impedance focusing kinetic flow)	HH-QTKT-XN-01
9.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	RDW-CV (Red Cell Distribution Width)	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn (Flow cell counting using semiconductor lasers)	HH-QTKT-XN-01
10.	Máu toàn phần/ chống đông EDTA (Whole Blood/anticoagulant EDTA)	WBC (Total White Blood Cell Count/ Optical)	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn (Flow cell counting using semiconductor lasers)	HH-QTKT-XN-01

2/ Xét nghiệm hóa sinh

T T	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể	Kỹ thuật xét nghiệm	Phương pháp xét nghiệm
1.	Huyết thanh Serum Huyết tương Plasma (Heparin, NaF)	Định lượng Glucose <i>Examination of Glucose</i>	Động học (Hexokinase) <i>Hexokinase method</i>	HS-QTKT-XN-03

T T	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể	Kỹ thuật xét nghiệm	Phương pháp xét nghiệm
2.	Huyết thanh Serum Huyết tương Plasma (Heparin)	Định lượng Urê <i>Examination of Urea</i>	Đo màu động học <i>Fixed time kinetic</i>	HS-QTKT-XN-01
3.		Định lượng Creatinine <i>Examination of creatinine</i>		HS-QTKT-XN-02
4.		Định lượng Acid Uric <i>Examination of Uric Acid</i>	Đo màu điểm cuối <i>End point method</i>	HS-QTKT-XN-04
5.		Định lượng AST (SGOT) <i>Examination of AST (SGOT)</i>	Đo hoạt độ Enzym bằng	HS-QTKT-XN-05
6.		Định lượng ALT (SGPT) <i>Examination of ALT (SGPT)</i>	phương pháp động học	HS-QTKT-XN-06
7.		Định lượng Amylase <i>Examination of Amylase</i>	<i>KineticEnzymatic</i>	HS-QTKT-XN-07
8.		Định lượng Albumin <i>Examination of Albumin</i>	Đo màu điểm cuối <i>End point method</i>	HS-QTKT-XN-09
9.		Định lượng Cholesterol <i>Examination of Cholesterol</i>		HS-QTKT-XN-12
10.		Định lượng Triglycerid <i>Examination of Triglycerid</i>		HS-QTKT-XN-13
11.		Định lượng Canxi <i>Examination of Calci</i>		HS-QTKT-XN-49

Gửi về phòng Văn thư - BVĐK tỉnh Quảng Ngãi, đường Lê Hữu Trác, TP. Quảng Ngãi.

Nơi nhận:

- Trang Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Ngọc Lân